

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐ-ST ngày 23/7/2021 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 63/TB-TA ngày 20/8/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Hữu Ủ**, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHT: Thôn T, xã Thống N, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1982.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Th, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Hiện đang lao động tại: Ma Cao – Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Phạm Hữu Ủ trình bày: Anh và chị Th có thời gian tìm hiểu và làm việc tại Đài Loan (Trung

Quốc). Tháng 11/2015 anh và chị Th về Việt Nam và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 31/12/2015. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau. Đến tháng 9/2017 chị Th làm thủ tục đi lao động tại Ma Cao – Trung Quốc, do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm bất hòa. Cuối năm 2020 chị Th về Việt Nam thăm gia đình nhưng do vợ chồng mâu thuẫn nên chị Th ở nhà anh được 4 ngày rồi sau đó tiếp tục đi nước ngoài. Vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Văn B, sinh ngày 08/9/2016. Hiện đang ở với anh Ủ. Anh có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Nguyễn Văn Th là bố đẻ chị Th xác định: Chị Th hiện đang lao động tại Ma Cao – Trung Quốc, địa chỉ cụ thể thì ông không biết, nhưng chị Th thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Th biết. Về quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh Ủ, chị Th sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Ủ mãi chơi, không tu trí làm ăn, chị Th đã hai lần làm thủ tục để anh Ủ sang nước ngoài lao động, nhưng anh Ủ đã bỏ về dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung chị Th đồng ý để anh Ủ chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Hải Dương thể hiện: Anh Ủ và chị Th có đăng ký kết hôn tại địa phương. Qua gia đình của anh Ủ, địa phương được biết vợ chồng anh Ủ, chị Th sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị Th mới bỏ đi nước ngoài. Nay anh Ủ có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tòa án đã lấy lời khai của ông Phạm Hữu Th là bố đẻ anh Ủ. Ông Th xác định anh Ủ, chị Th có thời gian sống cùng nhau ở nước ngoài, sau đó về Việt Nam kết hôn. Vợ chồng hòa thuận một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp, khi con chung được 10 tháng tuổi thì chị Th sang Ma Cao – Trung Quốc lao động, để lại con cho anh Ủ và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về quan hệ hôn nhân giữa anh Ủ và chị Th thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Anh Ủ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS năm 2015. Bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Phạm Hữu Ủ được ly hôn chị Nguyễn Thị Th. Về con chung: Giao con chung là Phạm Văn B, sinh ngày 08/9/2016 cho anh Ủ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Phạm Hữu Ủ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự (ly hôn) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Hữu Ủ khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Thị Th có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại Thôn T, xã Th, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Ma Cao (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ủ không cung cấp được địa chỉ của chị Th ở nước ngoài. Chị Thu thường xuyên liên lạc điện thoại với bố đẻ là Nguyễn Văn Th. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã đề nghị người thân của chị Th cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, gia đình đã thông báo cho chị Th biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh Ủ và chị Th. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Th vẫn vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Ủ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu Ủ và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th,

huyện Gi, tỉnh Hải Dương ngày 31/12/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như trong làm ăn kinh tế. Năm 2017 chị Th đi Ma Cao – Trung Quốc lao động, chị Th đã lo thủ tục để đưa anh Ủ sang nước ngoài làm kinh tế, nhưng do vợ chồng mâu thuẫn nên anh Ủ đã bỏ về Việt Nam dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nay anh Ủ xác định tình cảm vợ chồng không còn. Thông qua gia đình, chị Thu cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th có quan điểm nhất trí ly hôn. Mâu thuẫn giữa anh Ủ, chị Th được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình chị Th, anh Ủ, quan điểm của địa phương và của các đương sự. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ủ, chị Thu đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm tới ai, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Ủ ly hôn chị Thu là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Hữu Ủ và chị Nguyễn Thị Th có một con chung là Phạm Văn B, sinh ngày 08/9/2016 hiện đang ở với anh Ủ. Xét thực tế cháu B còn nhỏ, chị Th đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Anh Ủ có nguyện vọng được nuôi con, chị Th cũng đồng ý nên để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của các bên. HĐXX chấp nhận giao con chung cho anh Ủ nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ủ không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng anh Ủ nuôi con không đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung thì chị Thu có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ủ, chị Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Hữu Ủ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Phạm Hữu Ủ** ly hôn chị **Nguyễn Thị Th.**

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Hữu Ủ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Văn Ban, sinh ngày 08/9/2016 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ủ không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Nguyễn Thị Th thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Phạm Hữu Ủ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Được đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2018/0005818 ngày 30/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Hữu Ủ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Th, huyện Gi, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nơi gia đình chị Th sinh sống)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân